



**LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA
MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ
NGHĨA XÃ HỘI**

LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

TÓM TẮT PHẦN THỨ BA

LÝ LUẬN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC-LÊNIN VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Trên cơ sở học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, đặc biệt là học thuyết giá trị thặng dư, “Mác đã hoàn toàn dựa vào và chỉ dựa vào những quy luật kinh tế của sự vận động của xã hội hiện đại mà kết luận rằng xã hội tư bản chủ nghĩa nhất định sẽ phải chuyển biến thành xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc xã hội hóa lao động, ngày càng tiến nhanh thêm dưới muôn vàn hình thức... đã biểu hiện đặc biệt rõ ràng ở sự phát triển của đại công nghiệp, ..., đây là cơ sở vật chất chủ yếu cho sự ra đời không thể tránh khỏi của chủ nghĩa xã hội. Động lực trí tuệ và tinh thần của sự chuyển biến đó, lực lượng thể chất thi hành sự chuyển biến đó là giai cấp vô sản, giai cấp đã được bản thân chủ nghĩa tư bản rèn luyện. Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống giai cấp tư sản, biểu hiện dưới nhiều hình thức khác nhau và nội dung của những hình thức này ngày càng phong phú, nhất định biến thành một cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản nhằm giành chính quyền ("chuyên chính vô sản")”

Như vậy, trong chủ nghĩa Mác-Lênin học thuyết kinh tế về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cùng với bộ phận lý luận triết học là những cơ sở lý luận tất yếu và trực tiếp của chủ nghĩa xã hội khoa học, tức học thuyết Mác-Lênin về chủ nghĩa xã hội. Bởi vậy, theo nghĩa rộng chủ nghĩa xã hội khoa học chính là chủ nghĩa Mác-Lênin, còn theo nghĩa hẹp thì nó là một bộ phận lý luận cấu thành chủ nghĩa Mác-Lênin - bộ phận lý luận về chủ nghĩa xã hội, đó là bộ phận nghiên cứu làm sáng tỏ vai trò sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; tính tất yếu và nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa; quá trình hình thành và phát triển của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa; quy luật và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng

sản...".

oOo

Chương bảy

SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

VÀ CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1. SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN

Sứ mệnh lịch sử của công nhân là phạm trù cơ bản nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học. Việc phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong những cống hiến vĩ đại của C.Mác. Học thuyết Mác đã tìm ra lực lượng xã hội để thực hiện việc xoá bỏ chủ nghĩa tư bản, tiến hành xây dựng xã hội mới – xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của nó

Khái niệm giai cấp công nhân

Về cơ bản, có thể khái quát hai đặc trưng cơ bản của giai cấp này:

Thứ nhất, về phương thức lao động, phương thức sản xuất.

Giai cấp công nhân là những tập đoàn người lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành những công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại, ngày càng có trình độ xã hội hoá, quốc tế hóa cao.

Thứ hai, về vị trí của giai cấp công nhân trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Trong xã hội tư bản chủ nghĩa người công nhân không có tư liệu sản xuất buộc phải bán sức lao động cho nhà tư bản để kiếm sống. C.Mác và Ph.Ăngghen đặc biệt chú ý phân tích đặc trưng này, vì chính nó là đặc trưng khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản.

Xuất phát từ quan niệm của các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin về giai cấp công nhân, nghiên cứu những biến đổi của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay, có thể định nghĩa: "Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất có tính xã hội hoá ngày càng cao, là lực lượng sản xuất cơ bản tiên tiến, trực tiếp hoặc gián tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tái sản xuất ra của cải vật

chất và cải tạo các quan hệ xã hội; là lực lượng chủ yếu của tiến trình lịch sử quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư; Ở các nước xã hội chủ nghĩa, họ là người đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội trong đó có lợi ích chính đáng của bản thân họ".

Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân là sản phẩm của nền công nghiệp hiện đại, lực lượng đại biểu cho sự phát triển của lực lượng sản xuất tiến bộ, đại biểu cho xu hướng phát triển của phương thức sản xuất tương lai; do vậy, về mặt khách quan nó là giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo nhân dân lao động đấu tranh xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ mọi chế độ áp bức bóc lột và xây dựng xã hội mới xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân phải trải qua hai bước: bước thứ nhất, "Giai cấp vô sản chiếm lấy chính quyền nhà nước và biến tư liệu sản xuất trước hết thành sở hữu nhà nước"(14); bước thứ hai, "... giai cấp vô sản cũng tự thủ tiêu với tư cách là giai cấp vô sản, chính vì thế mà nó cũng xoá bỏ mọi sự phân biệt giai cấp và mọi đối kháng giai cấp, và cũng xoá bỏ nhà nước với tư cách là nhà nước"(15). Hai bước này quan hệ chặt chẽ với nhau: giai cấp công nhân không thực hiện được bước thứ nhất thì cũng không thực hiện được bước thứ hai nhưng bước thứ hai là quan trọng nhất để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

1.2. Điều kiện khách quan qui định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Địa vị kinh tế-xã hội của giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin: lực lượng sản xuất là yếu tố động nhất, luôn luôn vận động và phát triển. Trong lực lượng sản xuất ở bất cứ xã hội nào người lao động cũng là yếu tố quan trọng nhất. Trong chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội với nền sản xuất đại công nghiệp ngày càng phát triển thì "Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn nhân loại là công nhân, là người lao động.

Trong nền sản xuất đại công nghiệp giai cấp công nhân vừa là chủ thể trực tiếp nhất, vừa là sản phẩm căn bản nhất của nền sản xuất đó.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp công nhân hoàn toàn không có hoặc có rất ít tư liệu sản xuất, là người lao động làm thuê "vì thế họ phải chịu hết sự may rủi của cạnh tranh, mọi sự lên xuống của thị trường với mức độ khác nhau". Như vậy trong chế độ tư bản chủ nghĩa giai cấp công nhân có lợi ích cơ bản đối lập trực tiếp với lợi ích của giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản muốn duy trì chế độ tư hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, duy trì chế độ áp bức bóc lột đối với giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động. Ngược lại lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân là xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, giành lấy chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động, dùng chính quyền đó để tổ chức xây dựng xã hội mới tiến tới một xã hội không còn tình trạng áp bức bóc lột.

Đặc điểm chính trị của giai cấp công nhân

Từ địa vị kinh tế-xã hội nêu trên đã tạo cho giai cấp công nhân có những đặc điểm chính trị-xã hội mà những giai cấp khác không thể có được, đó là những đặc điểm cơ bản sau đây:

Thứ nhất, giai cấp công nhân là giai cấp tiên phong cách mạng.

Thứ hai, giai cấp công nhân là giai cấp có tinh thần cách mạng triệt để nhất.

Thứ ba, giai cấp công nhân là giai cấp có ý thức tổ chức kỷ luật cao.

Thứ tư, giai cấp công nhân có bản chất quốc tế.

1.3. Vai trò của Đảng Cộng sản trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân do địa vị kinh tế-xã hội của giai cấp này qui định nhưng để biến khả năng khách quan đó thành hiện thực thì phải thông qua nhân tố chủ quan của giai cấp công nhân. Trong những nhân tố chủ quan đó thì việc thành lập Đảng Cộng sản, một đảng trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc, vững mạnh về chính trị, thường và tổ chức là nhân tố giữ vai trò quyết định nhất đảm bảo cho giai cấp công nhân hoàn thành được sứ mệnh lịch sử của mình.

Đảng Cộng sản là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân, nó đại biểu cho lợi ích và trí tuệ của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động.

Đảng Cộng sản là bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và cả dân tộc. Khi nói tới vai trò tham mưu chiến đấu của Đảng là muốn nói tới vai trò đưa ra những quyết định của Đảng, nhất là trong những thời điểm lịch sử

quan trọng. Những quyết định đúng đắn sẽ tạo điều kiện đưa phong trào cách mạng tiến lên, ngược lại có thể gây ra những tổn thất cho cách mạng. Sở dĩ Đảng Cộng sản trở thành tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và dân tộc, vì Đảng bao gồm những người tiên tiến trong giai cấp công nhân và dân tộc được trang bị lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin và là những người từng trải trong phong trào cách mạng, có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh hay trong công tác tổ chức xây dựng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

2. Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa muốn giành được thắng lợi, giai cấp công nhân phải thực hiện được sự liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân.

Tính tất yếu và cơ sở khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

- Tính tất yếu khách quan của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

Mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa không phải là duy trì giai cấp, duy trì nhà nước mà tiến lên xây dựng một xã hội không còn giai cấp, không còn nhà nước. Điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở xây dựng khối liên minh công - nông vững chắc, vì có như vậy mới lôi kéo nông dân, đưa nông dân đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

- Cơ sở khách quan (cơ sở kinh tế, chính trị,...) bảo đảm sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

Xây dựng khối liên minh công - nông trong cách mạng xã hội chủ nghĩa có những cơ sở khách quan chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân, giai cấp nông dân đều là những người lao động, đều bị áp bức bóc lột.

Thứ hai, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành sản xuất chính trong xã hội. Nếu không có sự liên minh chặt chẽ giữa công nhân và nông dân thì hai ngành kinh tế này không thể phát triển được.

Thứ ba, xét về mặt chính trị - xã hội giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và những người lao động khác là lực lượng chính trị to lớn trong xây dựng bảo vệ chính quyền nhà nước, trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc. Do vậy có thể nói giai cấp nông dân là người bạn "tự nhiên", tất yếu của giai cấp công

nhân.

Nội dung và nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.

- Nội dung của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân:

Liên minh về chính trị giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong thời kỳ đấu tranh giành chính quyền là nhằm giành lấy chính quyền về tay giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội liên minh về chính trị giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân là cùng nhau tham gia vào chính quyền nhà nước từ cơ sở đến trung ương, cùng nhau bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và mọi thành quả cách mạng, làm cho nhà nước xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh. Tuy nhiên liên minh về chính trị giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân không phải là sự dung hoà lập trường tư tưởng giữa công nhân với nông dân mà phải trên lập trường chính trị của giai cấp công nhân. Có như vậy giai cấp nông dân mới đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa được.

Liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trở thành cơ sở vững chắc cho nhà nước xã hội chủ nghĩa, tạo thành nòng cốt trong mặt trận dân tộc thống nhất.

Liên minh về kinh tế giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân.

Đây là nội dung cơ bản nhất, quyết định nhất, vì có liên minh về kinh tế chặt chẽ mới thực hiện được sự liên minh trong các lĩnh vực khác.

Thực hiện liên minh về kinh tế giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội là phải kết hợp đúng đắn lợi ích giữa hai giai cấp.

Muốn thực hiện được sự liên minh về kinh tế giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, Đảng của giai cấp công nhân và nhà nước xã hội chủ nghĩa phải thường xuyên quan tâm tới xây dựng một hệ thống chính sách phù hợp đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn.

Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

Nội dung văn hoá xã hội là một nội dung quan trọng trong xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân. Điều đó được cắt nghĩa bởi các lý do sau đây:

Một là, chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên một nền sản xuất công nghiệp

hiện đại. Những người mù chữ, những người có trình độ văn hoá thấp không thể tạo ra được một xã hội như vậy. Vì vậy công nhân, nông dân, những người lao động khác phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ văn hoá. Hai là, chủ nghĩa xã hội với mong muốn xây dựng một xã hội nhân văn, nhân đạo, quan hệ giữa con người với con người, giữa dân tộc này với dân tộc khác là quan hệ hữu nghị tương trợ giúp đỡ lẫn nhau. Điều đó chỉ có thể có được trên cơ sở một nền văn hoá phát triển của nhân dân.

Ba là, chủ nghĩa xã hội tạo điều kiện cho quần chúng nhân dân lao động tham gia quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý nhà nước. Nhân dân muốn thực hiện được công việc quản lý của mình cần phải có trình độ văn hoá, phải hiểu biết chính sách, pháp luật.

- Nguyên tắc cơ bản của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân

Một là, phải đảm bảo vai trò lãnh đạo của giai cấp trong khối liên minh công - nông.

Hai là, phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện.

Ba là, kết hợp đúng đắn các lợi ích của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân.

3. HÌNH THÁI KINH TẾ-XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA

3.1. Xu thế tất yếu của sự ra đời hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa

Lực lượng sản xuất của chủ nghĩa tư bản ngày phát triển đến trình độ xã hội hoá cao thì càng làm cho mâu thuẫn giữa nhu cầu phát triển của lực lượng sản xuất với sự kìm hãm của quan hệ sản xuất mang tính tư nhân tư bản chủ nghĩa càng thêm sâu sắc.

Tính mâu thuẫn gay gắt trong lĩnh vực kinh tế của chủ nghĩa tư bản biểu hiện trên lĩnh vực chính trị - xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp công nhân, nhân dân lao động với giai cấp tư sản ngày càng trở nên quyết liệt.

Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân và giai cấp tư sản xuất hiện ngay từ khi chủ nghĩa tư bản hình thành, ngày càng trở nên căng thẳng. Qua thực tiễn cuộc đấu tranh đã dẫn tới giai cấp công nhân nhận thức được muốn giành thắng lợi phải tiếp thu chủ nghĩa xã hội khoa học hình thành chính đảng của giai cấp mình. Khi Đảng Cộng sản ra đời toàn bộ hoạt động của Đảng đều hướng vào lật đổ nhà nước của giai cấp tư sản xác lập nhà nước của giai cấp công nhân, nhân dân lao động. Việc thiết lập nhà nước của giai

cấp công nhân và nhân dân lao động là sự mở đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Như vậy có thể nói sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa phải có những điều kiện nhất định, đó là sự phát triển của lực lượng sản xuất dưới chủ nghĩa tư bản đạt đến một mức độ nhất định, lực lượng giai cấp công nhân trở nên đông đảo, mâu thuẫn gay gắt với giai cấp tư sản. Mặt khác từ thực tiễn cách mạng giai cấp công nhân phải giác ngộ cách mạng, phải xây dựng được chính đảng cách mạng, phải kiên quyết đấu tranh giành lấy chính quyền từ tay giai cấp tư sản khi có thời cơ cách mạng. Cách mạng không tự diễn ra, chủ nghĩa tư bản không tự sụp đổ.

C.Mác và Ph.Ăngghen dự báo sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa từ những nước tư bản chủ nghĩa phát triển. Sống trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, khi mà giai cấp tư sản đã trở thành lực lượng phản động, đã tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược các nước lạc hậu; biến các nước đó thành thuộc địa, khi mà lực lượng công nhân đã phát triển mạnh mẽ, V.I.Lênin đã dự báo sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước tư bản có trình độ phát triển trung bình và những nước thuộc địa sau khi được giải phóng do giai cấp công nhân lãnh đạo.

Tuy nhiên để hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa xuất hiện ở các nước tiền tư bản, phải có những điều kiện nhất định, đó là:

Thứ nhất, do chính sách xâm lược của chủ nghĩa tư bản đối với các nước thuộc địa, trên thế giới đã xuất hiện những mâu thuẫn mới: Mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân; Mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc xâm lược với các quốc gia dân tộc bị xâm lược; Mâu thuẫn giữa các nước tư bản đế quốc với nhau; Mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân, tư sản và nông dân ở các nước thuộc địa... Những nước bị xâm lược nổi lên, mâu thuẫn chủ yếu giữa một bên là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, tay sai phong kiến, tư sản phản động một bên là cả dân tộc gồm: công nhân nông dân, trí thức và những lực lượng yêu nước khác.

Thứ hai, hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin phải được truyền bá rộng rãi, thức tỉnh tinh thần yêu nước của nhân dân lao động ở các nước phụ thuộc, các nước thuộc địa.

3.2. Các giai đoạn phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, thì hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có thể chia thành 3 thời kỳ:

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

- Tính tất yếu và hai loại hình quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Để chuyển từ xã hội tư bản chủ nghĩa lên xã hội xã hội chủ nghĩa, là xã hội mà chủ nghĩa xã hội phát triển trên chính cơ sở vật chất kỹ thuật của nó, cần phải trải qua một thời kỳ quá độ nhất định.

Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được lý giải từ các căn cứ sau đây:

Một là, chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội khác nhau về bản chất. Chủ nghĩa tư bản được xây dựng trên cơ sở chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất, dựa trên chế độ áp bức bóc lột và bất công. Chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức là nhà nước và tập thể, không còn các giai cấp đối kháng, không còn tình trạng áp bức, bóc lột. Muốn có xã hội như vậy cần phải có một thời kỳ lịch sử nhất định.

Hai là, chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên nền sản xuất đại công nghiệp có trình độ cao. Quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản đã tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật nhất định cho chủ nghĩa xã hội, nhưng muốn cho cơ sở vật chất kỹ thuật đó phục vụ cho chủ nghĩa xã hội cần có thời gian tổ chức, sắp xếp lại.

Đối với những nước chưa từng trải qua quá trình công nghiệp hóa tiến lên chủ nghĩa xã hội thì thời kỳ quá độ cho việc xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội càng có thể kéo dài với nhiệm vụ trọng tâm của nó là tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa.

Ba là, các quan hệ xã hội của chủ nghĩa xã hội không tự phát nảy sinh trong lòng chủ nghĩa tư bản, chúng là kết quả của quá trình xây dựng và cải tạo xã hội chủ nghĩa. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, dù đã ở trình độ cao cũng chỉ có thể tạo ra những điều kiện, tiền đề cho sự hình thành các quan hệ xã hội mới xã hội chủ nghĩa. Vì vậy cũng cần phải có thời gian để xây dựng và phát triển những quan hệ đó.

Bốn là, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội là một công việc mới mẻ, khó khăn và phức tạp, phải cần có thời gian để giai cấp công nhân từng bước làm quen với những công việc đó.

Đặc điểm, nội dung và tính chất của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc điểm nổi bật của thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội là sự tồn tại những yếu tố của xã hội cũ bên cạnh những nhân tố mới của chủ nghĩa xã hội trong mối quan hệ vừa thống nhất vừa đấu tranh với nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế-xã hội và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trên lĩnh vực kinh tế. Thời kỳ quá độ là thời kỳ tất yếu còn tồn tại một nền kinh tế nhiều thành phần trong một hệ thống kinh tế quốc dân thống nhất, vận động theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được xác lập trên cơ sở khách quan của sự tồn tại nhiều loại hình sở hữu về tư liệu sản xuất với những hình thức tổ chức kinh tế đa dạng, đan xen hỗn hợp và tương ứng với nó là những hình thức phân phối khác nhau, trong đó hình thức phân phối theo lao động tất yếu ngày càng giữ vai trò là hình thức phân phối chủ đạo.

Trên lĩnh vực chính trị: Do kết cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đa dạng, phức tạp, nên kết cấu giai cấp xã hội trong thời kỳ này cũng đa dạng phức tạp. Thời kỳ này bao gồm: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, những người sản xuất nhỏ, tầng lớp tư sản. Các giai cấp, tầng lớp này vừa hợp tác, vừa đấu tranh với nhau.

Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội: Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều tư tưởng và văn hoá khác nhau. Bên cạnh tư tưởng xã hội chủ nghĩa, là chủ nghĩa Mác-Lênin giữ vai trò thống trị còn tồn tại tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, tâm lý tiểu nông v.v...

Nội dung kinh tế, chính trị và văn hóa, xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Trong lĩnh vực kinh tế.

Nội dung cơ bản trên lĩnh vực kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thực hiện việc sắp xếp, phối trí lại các lực lượng sản xuất hiện có của xã hội; cải tạo quan hệ sản xuất cũ, xây dựng quan hệ sản xuất mới theo hướng tạo ra sự phát triển cân đối của nền kinh tế, đảm bảo phục vụ ngày càng tốt đời sống nhân dân lao động.

Trong lĩnh vực chính trị:

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực chính trị của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tiến hành cuộc đấu tranh chống lại những thế lực thù địch, chống phá sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội; tiến hành xây dựng, củng cố nhà nước và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh, đảm bảo quyền làm chủ trong hoạt động kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội của nhân dân lao động; xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội thực sự là nơi thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động; xây dựng Đảng Cộng sản ngày càng trong sạch, vững mạnh ngang tầm với các nhiệm vụ của mỗi thời kỳ lịch sử.

Trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá và xã hội: Nội dung cơ bản trong lĩnh vực tư tưởng văn hoá của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thực hiện truyền phổ biến những tư tưởng khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin trong toàn xã hội; khắc phục những tư tưởng và tâm lý có ảnh hưởng tiêu cực đối với tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; xây dựng nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu những giá trị tinh hoa của các nền văn hoá trên thế giới.

Trong lĩnh vực xã hội:

Nội dung cơ bản trong lĩnh vực xã hội của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải thực hiện việc khắc phục những tệ nạn xã hội do xã hội cũ để lại; từng bước khắc phục sự chênh lệch phát triển giữa các vùng miền, các tầng lớp dân cư trong xã hội nhằm thực hiện mục tiêu bình đẳng xã hội; xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người với người theo mục tiêu lý tưởng tự do của người này là điều kiện, tiền đề cho sự tự do của người khác.

Chủ nghĩa xã hội

Xã hội xã hội chủ nghĩa (chủ nghĩa xã hội - giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản) là một xã hội có những đặc trưng cơ bản sau đây:

Thứ nhất, cơ sở vật chất kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền đại công nghiệp.

Thứ hai, chủ nghĩa xã hội xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa. thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất.

Thứ ba, xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội tạo ra được cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới.

Thứ tư, xã hội xã hội chủ nghĩa là một chế độ xã hội thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động, coi đó là nguyên tắc cơ bản nhất.

Thứ năm, xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội mà ở đó nhà nước mang bản

chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân rộng rãi, tính dân tộc sâu sắc; thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân.

Thứ sáu, xã hội xã hội xã hội chủ nghĩa là một xã hội đã thực hiện được sự giải phóng con người khỏi ách áp bức, bóc lột; thực hiện bình đẳng xã hội, tạo điều kiện cho con người phát triển toàn diện.

Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa

C.Mác trên cơ sở nghiên cứu quá trình phát triển lực lượng sản xuất của xã hội loài người đã có những dự báo về sự xuất hiện giai đoạn cao của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa (giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản).

Về mặt kinh tế. Lực lượng sản xuất phát triển vô cùng mạnh mẽ, của cải xã hội tuôn ra dào dạt, ý thức con người được nâng lên, khoa học phát triển, lao động của con người được giảm nhẹ, lúc đó nhân loại mới thực hiện được nguyên tắc làm theo năng lực hưởng theo nhu cầu.

Về mặt xã hội: Trình độ xã hội ngày càng phát triển, con người có điều kiện phát triển năng lực của mình, tri thức con người được nâng cao, không còn có sự khác biệt giữa thành thị và nông thôn, tới "khi bọn tư bản đã tiêu tan đi rồi và không còn giai cấp nữa (nghĩa là giữa các thành viên trong xã hội không còn có sự phân biệt nào nữa về những quan hệ xã hội của họ đối với những tư liệu sản xuất xã hội) chỉ lúc đó "nhà nước mới không còn nữa và mới có thể nói đến tự do".

Tới giai đoạn cao của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa, con người được giải phóng hoàn toàn, chuyển từ vương quốc của tất yếu sang vương quốc của tự do, có điều kiện phát triển toàn diện năng lực, và mang hết tài năng trí tuệ cống hiến cho xã hội...

Để có giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, đòi hỏi giai cấp công nhân và nhân dân lao động phải nỗ lực phấn đấu, phải không ngừng nâng cao năng suất lao động, phát triển lực lượng sản xuất, cải tạo quan hệ sản xuất theo chủ nghĩa xã hội, không ngừng nâng cao ý thức của con người, phải kiểm soát thật nghiêm ngặt mức độ lao động và tiêu dùng. Có thực hiện như vậy mới từng bước xây dựng được kỷ luật tự giác trong xã hội, từng bước xây dựng được thói quen tự nguyện tuân thủ những quy định trong dân cư.

Qua phân tích của C.Mác, Ph.Ăng ghen và V.I.Lênin về giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, cho chúng ta những nhận thức

đúng dẫn về giai đoạn hiện nay.

Một là, C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin dự báo về giai đoạn cao của hình thái kinh tế-xã hội cộng sản chủ nghĩa khi có những điều kiện kinh tế - xã hội đảm bảo cho sự xuất hiện của giai đoạn này.

Hai là, sự xuất hiện giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là một quá trình lâu dài, bằng việc không ngừng phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, tổ chức xã hội về mọi mặt, giáo dục nâng cao tinh thần tự giác của con người. Nếu không có quá trình đó cũng không thể xuất hiện được.

Ba là, quá trình xuất hiện giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước khác nhau diễn ra với những quá trình khác nhau, tùy thuộc vào sự nỗ lực phấn đấu về mọi phương diện. Khi chưa xuất hiện giai đoạn cao thì "trong một thời gian nhất định, dưới chế độ cộng sản, không những vẫn còn pháp quyền tư sản, mà vẫn còn cả nhà nước kiểu tư sản nhưng không có giai cấp tư sản". Khi chưa đạt đến giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, trong điều kiện vẫn còn chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc trên thế giới thì những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác về nhà nước, về dân chủ vẫn còn nguyên giá trị. Tính chất giai cấp của nhà nước của dân chủ vẫn tồn tại.

oOo

Chương tám

NHỮNG VẤN ĐỀ CHÍNH TRỊ-XÃ HỘI CÓ TÍNH CHẤT QUI LUẬT TRONG TIẾN TRÌNH CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là một tiến trình lịch sử lâu dài, khó khăn và gian khổ với mục đích cuối cùng là bảo đảm thành công sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Trong tiến trình đó tất yếu xuất hiện các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội cần phải được giải quyết một cách khoa học trên lập trường thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, vận dụng sáng tạo những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong các điều kiện lịch sử cụ thể của mỗi quốc gia, dân tộc ở những thời kỳ nhất định. Đó là những vấn đề chính trị - xã hội có

tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

1. XÂY DỰNG NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

1.1. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Trong ngôn ngữ Hy Lạp cổ đại, khái niệm dân chủ được hiểu là: việc "cử ra và phế bỏ người đứng đầu" đó là "quyền và sức lực của nhân dân". Như vậy, ngay từ buổi sơ khai của lịch sử nhân loại, dân chủ được hiểu với tư cách là quyền lực của nhân dân.

Khi chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất ra đời, giai cấp và bất bình đẳng xuất hiện, các hình thức tự quản của xã hội trước đây đã không còn thích hợp, xã hội cần đến những tổ chức chính trị với những công cụ bạo lực, cưỡng bức để điều chỉnh hoạt động của xã hội, giai cấp và công dân. Trong điều kiện như vậy một tổ chức đặc biệt đã ra đời đó là nhà nước. Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, giai cấp chủ nô đã lập ra cơ quan quyền lực nhằm trước hết bảo vệ lợi ích của mình và sau nữa nhằm đáp ứng nhu cầu ổn định trật tự xã hội. Cơ quan quyền lực đó chính là nhà nước dân chủ đối với chủ nô, thực hiện sự thống trị đối với đại đa số những người lao động, tức những người nô lệ. Khi đó người ta đã ghép hai từ trong tiếng Hy Lạp cổ là "Demos" có nghĩa là "dân", "dân chúng" và "Kratos" có nghĩa là "quyền lực", "sức mạnh" để diễn đạt nội dung của dân chủ. Nhà nước chủ nô chính thức sử dụng thuật ngữ "dân chủ" với nghĩa là nhà nước dân chủ chủ nô có "quyền lực của dân". Nhưng cũng từ đây nhà nước do giai cấp chủ nô nắm giữ đã quy định dân bao gồm chủ nô, quý tộc, tăng lữ, thương gia, một số trí thức và người tự do, còn tuyệt đại đa số nô lệ thì không được coi là dân.

Từ thực tiễn lịch sử xuất hiện, tồn tại và phát triển của dân chủ, chủ nghĩa Mác - Lênin đã nêu ra những quan niệm cơ bản về dân chủ như sau:

Thứ nhất, dân chủ là sản phẩm tiến hóa của lịch sử, là nhu cầu khách quan của con người. Với tư cách là quyền lực của nhân dân, dân chủ là sự phản ánh những giá trị nhân văn, là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân chống lại áp bức, bóc lột, bất công.

Thứ hai, dân chủ với tư cách là một phạm trù chính trị gắn với một kiểu nhà nước và một giai cấp cầm quyền thì sẽ không có "dân chủ phi giai cấp", "dân chủ chung chung".

Thứ ba, dân chủ còn được hiểu với tư cách là một hệ giá trị phản ánh trình

độ phát triển cá nhân và cộng đồng xã hội trong quá trình giải phóng xã hội, chống áp bức, bóc lột và nô dịch để tiến tới tự do, bình đẳng.

Những đặc trưng cơ bản của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Một là, với tư cách là chế độ nhà nước được sáng tạo bởi quần chúng nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là thiết chế chủ yếu thực thi dân chủ do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua chính đảng của nó. Nhà nước đảm bảo thỏa mãn ngày càng cao các nhu cầu và lợi ích của nhân dân, trong đó có lợi ích của giai cấp công nhân. Đây chính là đặc trưng bản chất chính trị của dân chủ xã hội chủ nghĩa. Điều đó cho thấy dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

Hai là, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có cơ sở kinh tế là chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội. Chế độ sở hữu đó phù hợp với quá trình xã hội hóa ngày càng cao của sản xuất nhân thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về vật chất và tinh thần của tất cả quần chúng nhân dân lao động. Đây là đặc trưng kinh tế của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng này được hình thành và bộc lộ ngày càng đầy đủ cùng với quá trình hình thành và hoàn thiện của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đó là quá trình cải tạo và xây dựng lâu dài kể từ khi bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội cho đến khi chủ nghĩa xã hội thực sự trường thành.

Ba là, trên cơ sở của sự kết hợp hài hòa lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích của toàn xã hội (do nhà nước của giai cấp công nhân đại diện), nền dân chủ xã hội chủ nghĩa có sức động viên, thu hút mọi tiềm năng sáng tạo, tính tích cực xã hội của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng xã hội mới. Trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, tất cả các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể và mọi công dân đều được tham gia vào công việc của nhà nước (bằng thảo luận, góp ý kiến xây dựng chính sách, hiến pháp, pháp luật...). Mọi công dân đều được bầu cử, ứng cử và đề cử vào các cơ quan nhà nước các cấp.

Bốn là, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cần có và phải có những điều kiện tồn tại với tư cách là một nền dân chủ rộng rãi nhất trong lịch sử những văn là nền dân chủ mang tính giai cấp. Thực hiện dân chủ rộng rãi với đông đảo quần chúng nhân dân, đồng thời hạn chế dân chủ và thực hiện trấn áp với thiểu số giai cấp áp bức, bóc lột và phản động. Trong nền dân chủ đó,

chuyên chính và dân chủ là hai mặt, hai yếu tố quy định lẫn nhau, tác động, bổ sung cho nhau. Đây chính là chuyên chính kiểu mới và dân chủ theo lối mới trong lịch sử.

1.2. Xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa

Khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức mà thông qua đó, Đảng của giai cấp công nhân thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội; là một tổ chức chính trị thuộc kiến trúc thượng tầng dựa trên cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội; đó là một nhà nước kiểu mới, thay thế nhà nước tư sản nhờ kết quả của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa; là hình thức chuyên chính vô sản được thực hiện trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Đặc trưng và chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin thì bất kỳ nhà nước nào cũng có ba đặc trưng cơ bản: quản lý dân cư trên một vùng lãnh thổ nhất định; có một hệ thống các cơ quan quyền lực chuyên nghiệp mang tính cưỡng chế đối với mọi thành viên trong xã hội; hình thành hệ thống thuế khóa để nuôi bộ máy nhà nước. Tuy nhiên, do bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa mang bản chất của giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc nên nhà nước xã hội chủ nghĩa còn có những đặc trưng riêng của nó, đó là những đặc trưng cơ bản sau đây:

Một là, nhà nước xã hội chủ nghĩa không phải là công cụ để đàn áp một giai cấp nào đó, nhà nước đó thực hiện một chính sách giai cấp vì lợi ích của tất cả những người lao động nhưng đồng thời vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó đối với nhà nước vẫn được duy trì.

Hai là, nhà nước xã hội chủ nghĩa có đặc trưng về nguyên tắc khác hẳn với nhà nước tư sản. Cũng là công cụ của chuyên chính giai cấp, nhưng vì lợi ích của tất cả những người lao động tức là tuyệt đại đa số nhân dân, nhà nước chuyên chính vô sản thực hiện sự trấn áp những kẻ chống đối phá hoại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, trong khi nhấn mạnh sự cần thiết của bạo lực và trấn áp, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin vẫn xem mặt tổ chức xây dựng là đặc trưng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa, của chuyên chính vô sản. V.I.Lênin cho rằng, chuyên chính vô sản không phải chỉ là bạo lực đối với bọn bóc lột, và cũng không phải chủ yếu là bạo lực mà mặt cơ bản của nó là tổ chức xây

dựng toàn diện xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Bốn là, nhà nước xã hội chủ nghĩa nằm trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, và theo V.I.Lênin, con đường vận động, phát triển của nó là: ngày càng hoàn thiện các hình thức đại diện nhân dân, mở rộng dân chủ nhằm lôi cuốn đông đảo quần chúng nhân dân tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội.

Năm là, Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một kiểu nhà nước đặc biệt. "nhà nước không còn nguyên nghĩa", là "nửa nhà nước". Sau khi những cơ sở kinh tế xã hội cho sự tồn tại của nhà nước mất đi thì nhà nước cũng không còn, nhà nước "tự tiêu vong". Đây cũng là một đặc trưng nổi bật của nhà nước vô sản.

Với những đặc trưng đó, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước xã hội chủ nghĩa biểu hiện tập trung ở việc quản lý xã hội trên tất cả các lĩnh vực bằng pháp luật.

Chức năng giai cấp của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thực hiện cả bằng tổ chức có hiệu quả công việc xây dựng toàn diện xã hội mới, cả bằng việc sử dụng những công cụ bạo lực để đập tạo sự phản kháng của kẻ thù chống lại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước, giữ vững an ninh xã hội.

Bạo lực, trấn áp là cái vốn có của mọi nhà nước, do đó bạo lực, trấn áp cũng là cái vốn có của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đều cho rằng với bản chất của nhà nước vô sản, thì việc tổ chức, xây dựng mang tính sáng tạo nhằm cải biến xã hội cũ, xây dựng xã hội mới xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chức năng căn bản, chủ yếu của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Từ hai chức năng trên, nhà nước xã hội chủ nghĩa có những nhiệm vụ chính là: quản lý kinh tế, xây dựng và phát triển kinh tế; cải thiện không những đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; quản lý văn hóa - xã hội. xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa, thực hiện giáo dục, đào tạo con người phát triển toàn diện, chăm sóc sức khỏe nhân dân...Ngoài ra, nhà nước xã hội chủ nghĩa còn có chức năng, nhiệm vụ đối ngoại nhằm mở rộng quan hệ hợp tác hữu nghị, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau vì sự phát triển và tiến bộ xã hội đối với nhân dân các nước trên thế giới.

2. XÂY DỰNG NỀN VĂN HÓA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

2.1. Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

Khái niệm nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa được xây dựng và phát triển trên nền tảng hệ thống của giai cấp công nhân, do Đảng Cộng sản lãnh đạo nhằm thỏa mãn nhu cầu không ngừng tăng lên về đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân, đưa nhân dân lao động thực sự trở thành chủ thể sáng tạo và hưởng thụ văn hóa.

Đặc trưng của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

Nền văn hóa xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng cơ bản sau đây:

Một là, chủ nghĩa Mác-Lênin với tư cách là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, giữ vai trò chủ đạo và là nền tảng tư tưởng, quyết định phương hướng phát triển nội dung của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa.

Hai là, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.

Ba là, nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là nền văn hóa được hình thành, phát triển một cách tự giác, đặt dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua tổ chức Đảng Cộng sản, có sự quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

Tính tất yếu của việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa xuất phát từ những căn cứ sau đây:

Thứ nhất, tính triệt để, toàn diện của cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải thay đổi phương thức sản xuất tinh thần, làm cho phương thức sản xuất tinh thần phù hợp với phương thức sản xuất mới của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là tất yếu trong quá trình cải tạo tâm lý, ý thức và đời sống tinh thần của chế độ cũ để lại nhằm giải phóng nhân dân lao động thoát khỏi ảnh hưởng tư tưởng, ý thức của xã hội cũ lạc hậu. Mặt khác, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa còn là một yêu cầu cần thiết trong việc đưa quần chúng nhân dân thực sự trở thành chủ thể sản xuất và tiêu dùng, sáng tạo và hưởng thụ văn hóa tinh thần. Đó là một nhiệm vụ cơ bản, phức tạp, lâu dài của quá trình xây dựng nền văn hóa mới xã hội chủ nghĩa. Về thực chất, đây cũng chính là cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực văn hóa, đấu tranh giữa hai hệ tư tưởng tư sản và hệ tư tưởng vô sản trong quá trình phát triển xã hội.

Thứ ba, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là tất yếu trong quá trình nâng cao trình độ văn hóa cho quần chúng nhân dân lao động, khắc phục

tình trạng thiếu hụt văn hóa. Đây là điều kiện cần thiết để đông đảo nhân dân lao động chiến thắng nghèo nàn lạc hậu, nâng cao trình độ và nhu cầu văn hóa của quần chúng.

Thứ tư, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa là tất yếu xuất phát từ yêu cầu khách quan: văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Việc xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa bao gồm những nội dung chính sau đây:

Một là, cần phải nâng cao trình độ dân trí, hình thành đội ngũ trí thức của xã hội mới

Hai là, xây dựng con người mới phát triển toàn diện.

Ba là, xây dựng lối sống mới xã hội chủ nghĩa.

Bốn là, xây dựng gia đình văn hóa xã hội chủ nghĩa – một trong những nội dung cơ bản của nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa

Để thực hiện được những nội dung chính yếu của nền văn hóa xã hội chủ nghĩa cần phải thực hiện các phương thức cơ bản sau đây:

Thứ nhất, giữ vững và tăng cường vai trò chủ đạo của hệ tư tưởng giai cấp công nhân trong đời sống tinh thần của xã hội.

Thứ hai, không ngừng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản và vai trò quản lý của nhà nước xã hội chủ nghĩa đối với hoạt động văn hóa.

Thứ ba, xây dựng nền văn hóa xã hội chủ nghĩa phải theo phương thức kết hợp việc kế thừa những giá trị trong di sản văn hóa dân tộc với tiếp thu có chọn lọc những tinh

Thứ tư, tổ chức và lôi cuốn quần chúng nhân dân vào các hoạt động và sáng tạo văn hóa.

3. GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

3.1. Vấn đề dân tộc và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

Khái niệm dân tộc

Dân tộc là một hình thức tổ chức cộng đồng người có tính chất ổn định được hình thành trong lịch sử; là sản phẩm của quá trình phát triển lâu dài của lịch sử xã hội.

Lịch sử xã hội đã cho thấy, trước khi cộng đồng dân tộc ra đời, loài người đã

trải qua những hình thức cộng đồng: thị tộc, bộ lạc và bộ tộc. Những hình thức cộng đồng này có sự phát triển từ thấp đến cao theo sự biến đổi của phương thức sản xuất.

Khái niệm dân tộc thường được dùng với hai nghĩa:

Thứ nhất, khái niệm dân tộc dùng để chỉ cộng đồng người cụ thể nào đó có những mối liên hệ chặt chẽ, bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ chung của cộng đồng và trong sinh hoạt văn hóa có những nét đặc thù so với những cộng đồng khác; xuất hiện sau cộng đồng bộ lạc; có sự kế thừa và phát triển hơn những nhân tố tộc người ở cộng đồng bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác của các thành viên trong cộng đồng đó.

Thứ hai, khái niệm dân tộc dùng để chỉ một cộng đồng người ổn định, bền vững hợp thành nhân dân của một quốc gia, có lãnh thổ chung, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có truyền thống văn hóa, truyền thống đấu tranh chung trong quá trình dựng nước và giữ nước. Như vậy, về khái niệm dân tộc, nếu theo nghĩa thứ nhất, dân tộc là bộ phận của quốc gia, là cộng đồng xã hội theo nghĩa là các tộc người, còn theo nghĩa thứ hai thì dân tộc là toàn bộ nhân dân một nước, là quốc gia - dân tộc. Với nghĩa như vậy đã cho thấy: khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia có sự gắn bó chặt chẽ với nhau, dân tộc bao giờ cũng ra đời trong một quốc gia nhất định và thực tiễn lịch sử chứng minh, những nhân tố hình thành dân tộc chín muồi thường không tách rời với sự chín muồi của những nhân tố hình thành quốc gia. Đây là những nhân tố bổ sung và thúc đẩy lẫn nhau trong quá trình phát triển. Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề dân tộc

1) Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng.

Đây là quyền thiêng liêng của các dân tộc (kể cả các cộng đồng bộ tộc và chủng tộc). Tất cả các dân tộc, dù đông người hay ít người, có trình độ phát triển cao hay thấp đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau, không có đặc quyền đặc lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ cho bất cứ dân tộc nào.

Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và trong thực tế phải được thực hiện, trong đó việc khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hóa giữa các dân tộc do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản.

Trong quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa sô vanh nước lớn, chống sự áp bức, bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước lạc hậu, chậm phát triển về kinh tế. Mọi quốc gia đều bình đẳng trong quan hệ quốc tế.

2) Các dân tộc được quyền tự quyết.

Về thực chất quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc, quyền tự quyết định con đường phát triển kinh tế, chính trị - xã hội của dân tộc mình. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm quyền tự do phân lập thành cộng đồng quốc gia dân tộc độc lập (vì lợi ích của các dân tộc, chứ không phải vì mưu đồ và lợi ích của một nhóm người nào) và quyền tự nguyện liên hiệp lại với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng.

Khi xem xét giải quyết quyền tự quyết của dân tộc cần đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân: ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, kiên quyết đấu tranh chống lại những mưu toan lợi dụng quyền dân tộc tự quyết làm chiêu bài để can thiệp vào công việc nội bộ các nước, đòi ly khai chia rẽ dân tộc.

3) Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

Đây là tư tưởng, nội dung cơ bản trong cương lĩnh dân tộc của V.I.Lênin. Tư tưởng này là sự thể hiện bản chất quốc tế của giai cấp công nhân, phong trào công nhân và phản ánh tính thống nhất giữa sự nghiệp giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc có ý nghĩa lớn lao đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc. Nó có vai trò quyết định đến việc xem xét, thực hiện quyền bình đẳng dân tộc và quyền dân tộc tự quyết. Đồng thời, đây cũng là yếu tố tạo nên sức mạnh đảm bảo cho thắng lợi của giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

3.2. Vấn đề tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Khái niệm tôn giáo

Tôn giáo là một hiện tượng xã hội ra đời rất sớm trong lịch sử nhân loại và tồn tại phổ biến ở hầu hết các cộng đồng người trong lịch sử hàng ngàn năm qua. Nói chung, bất cứ tôn giáo nào, với hình thái phát triển đầy đủ của nó,

cũng đều ban gồm: ý thức tôn giáo (thể hiện ở quan niệm về các đấng thiêng liêng cùng những tín ngưỡng tương ứng) và hệ thống tổ chức tôn giáo cùng với những hoạt động mang tính chất nghi thức tín ngưỡng của nó.

Tôn giáo là sản phẩm của con người, gắn với những điều kiện tự nhiên và lịch sử cụ thể, xác định. Về bản chất, tôn giáo là một hiện tượng xã hội phản ánh sự bế tắc, bất lực của con người trước tự nhiên và xã hội. Tuy nhiên, tôn giáo cũng chứa đựng một số giá trị phù hợp với đại đức, đạo lý con người.

Trong hệ thống những lời răn dạy của giáo lý tôn giáo cũng có những lời răn mà trong chừng mực nào đó khi quần chúng chấp nhận vẫn có tác dụng điều chỉnh, thư khuyên làm điều tốt, răn bỏ điều ác đối với họ. Bởi vậy khi tham gia sinh hoạt tôn giáo, người ta có cảm nhận như làm công việc "tích đức", "tu thân".

Vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tôn giáo vẫn còn tồn tại. Có nhiều nguyên nhân cho sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau:

- Nguyên nhân nhận thức.

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong xã hội xã hội chủ nghĩa vẫn còn nhiều hiện tượng tự nhiên, xã hội và của con người mà khoa học chưa lý giải được, trong khi đó trình độ dân trí của nhân dân lại vẫn chưa thực sự được nâng cao. Do đó, trước những sức mạnh tự phát của giới tự nhiên và xã hội mà con người vẫn chưa thể nhận thức và chế ngự được đã khiến cho một bộ phận nhân dân đi tìm sự an ủi, che chở và lý giải chúng từ sức mạnh của thần linh.

- Nguyên nhân kinh tế.

Trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội nền kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế với những lợi ích khác nhau của các giai cấp, tầng lớp xã hội. Trong đời sống hiện thực, sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội vẫn còn diễn ra, sự cách biệt khá lớn về đời sống vật chất, tinh thần giữa các nhóm dân cư còn tồn tại phổ biến. Do đó, những yếu tố may rủi, ngẫu nhiên vẫn tác động mạnh mẽ đến con người, làm cho con người dễ trở nên thụ động với tư tưởng nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhiên.

- Nguyên nhân tâm lý.

Tín ngưỡng, tôn giáo đã tồn tại lâu đời trong lịch sử nhân loại, đã trở thành niềm tin, lối sống, phong tục tập quán, tình cảm của một bộ phận đông đảo quần chúng nhân dân qua nhiều thế hệ. Bởi vậy, cho dù trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong xã hội xã hội chủ nghĩa đã có những biến đổi mạnh mẽ về kinh tế, chính trị - xã hội, thì tôn giáo vẫn không thể biến đổi ngay cùng với tiến độ của những biến đổi kinh tế - xã hội mà nó phản ánh. Điều đó cho thấy, trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, thì ý thức xã hội thường có tính bảo thủ hơn so với sự biến đổi của tồn tại xã hội, trong đó ý thức tôn giáo thường lại là yếu tố mang tính chất bền vững nhất trong đời sống tinh thần của mỗi con người, của xã hội.

- Nguyên nhân chính trị - xã hội.

Xét về mặt giá trị, có những nguyên tắc của tôn giáo là phù hợp với chủ nghĩa xã hội, với chủ trương đường lối, chính sách của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Đó là những giá trị đạo đức, văn hóa với tinh thần nhân đạo, hướng thiện... đáp ứng được nhu cầu của một bộ phận quần chúng nhân dân.

Chính vì thế, trong một chừng mực nhất định, tôn giáo có sức thu hút mạnh mẽ đối với một bộ phận quần chúng nhân dân.

- Nguyên nhân văn hóa.

Trong thực tế sinh hoạt văn hóa xã hội, sinh hoạt tín ngưỡng tôn giáo đã đáp ứng được phần nào nhu cầu văn hóa tinh thần của cộng đồng xã hội và trong một mức độ nhất định, có ý nghĩa giáo dục ý thức cộng đồng, phong cách, lối sống của mỗi cá nhân trong cộng đồng. Về phương diện sinh hoạt văn hóa, tôn giáo thường được thực hiện dưới hình thức là những nghi lễ tín ngưỡng cùng với những lời răn theo chuẩn mực đạo đức phù hợp với quan niệm của mỗi loại tôn giáo. Những sinh hoạt văn hóa có tính chất tín ngưỡng, tôn giáo ấy đã lôi cuốn một bộ phận quần chúng nhân dân xuất phát từ nhu cầu văn hóa tinh thần, tình cảm của họ.

Những nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo

Giải quyết vấn đề tôn giáo trong tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cần dựa trên những nguyên tắc sau:

Một là, khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo trong đời sống xã hội phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới. Đó là yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hai là, khi tín ngưỡng tôn giáo còn là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân thì nhà nước xã hội chủ nghĩa phải tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của mọi công dân. Công dân có tôn giáo hay không có tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, đều có quyền lợi và nghĩa vụ như nhau. Cần phát huy những giá trị tích cực của tôn giáo, nghiêm cấm mọi hành vi vi phạm quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của công dân.

Ba là, thực hiện đoàn kết những người có tôn giáo với những người không có tôn giáo, đoàn kết các tôn giáo, đoàn kết những người theo tôn giáo với những người không theo tôn giáo, đoàn kết toàn dân tộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ cộng đồng vì lý do tín ngưỡng tôn giáo.

Bốn là, phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện sự tín ngưỡng trong tôn giáo. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, khắc phục mặt này là việc làm thường xuyên, lâu dài. Mặt chính trị là sự lợi dụng tôn giáo của những phần tử phản động nhằm chống lại sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động trong lĩnh vực tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên, vừa phải khẩn trương, kiên quyết, vừa phải thận trọng và phải có sách lược phù hợp với thực tế.

Năm là, phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò và sự tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội cũng khác nhau. Quan điểm, thái độ của các giáo hội, giáo sĩ, giáo dân về các lĩnh vực, các vấn đề của xã hội có sự khác biệt. Do đó, cần phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi xem xét, đánh giá và giải quyết những vấn đề liên quan đến tôn giáo. "Người mácxít phải biết chú ý đến toàn bộ tình hình cụ thể"(16) - đó là điều mà V.I.Lênin đã từng nhắc nhở khi giải quyết vấn đề tôn giáo. Nhà nước xã hội chủ nghĩa cần phải có quan điểm và phương thức ứng xử phù hợp với từng trường hợp cụ thể khi giải quyết các vấn đề tôn giáo.

oOo

Chương chín

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC VÀ TRIỂN VỌNG

1. CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC

Cách mạng Tháng Mười Nga (1917)

Ngày 7 tháng 11 năm 1917, dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích Nga, đứng đầu là V.I.Lênin đã lãnh đạo quần chúng nhân dân khởi nghĩa phá tan dinh lũy cuối cùng của Chính phủ lâm thời tư sản, báo hiệu sự toàn thắng của cuộc khởi nghĩa vũ trang giành "Toàn bộ chính quyền về tay Xô viết". Lần đầu tiên trong lịch sử, Nhà nước Xô viết do V.I.Lênin đứng đầu, đã ra đời trong Mười ngày rung chuyển thế giới".

Cách mạng Tháng Mười Nga là thắng lợi vĩ đại nhất của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức do giai cấp công nhân và đội tiên phong của họ là Đảng bôn-sê-vích lãnh đạo. Cách mạng Tháng Mười đã dùng bạo lực cách mạng đánh đổ giai cấp tư sản và giai cấp phong kiến địa chủ, lập nên chính quyền của những người lao động, xây dựng một xã hội hoàn toàn mới, một xã hội không có tình trạng người bóc lột người.

Với sự thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, lịch sử đã mở ra một con đường mới cho sự giải phóng các dân tộc bị áp bức của chủ nghĩa thực dân. Nó đã mở đầu một thời đại mới trong lịch sử - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Những thành tựu của chủ nghĩa xã hội hiện thực

Cho dù lịch sử có biến động như thế nào, dù có ai cố tình xuyên tạc lịch sử cũng không thể phủ nhận được sự thật là Liên Xô và các nước Đông Âu đã có một thời phát triển rực rỡ và đạt được những thành tựu to lớn sau đây:

- Chế độ xã hội chủ nghĩa đã từng bước đưa nhân dân lao động lên làm chủ xã hội, thúc đẩy trào lưu đấu tranh cho quyền tự do dân chủ trên toàn thế giới.

- Trong hơn bảy mươi năm xây dựng chủ nghĩa xã hội, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đã đạt được sự phát triển mạnh mẽ về tiềm lực kinh tế, xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội trên quy mô lớn với trình độ hiện đại, bảo đảm ngày càng tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Nước Nga trước Cách mạng Tháng Mười so với các nước phát triển khác bị lạc hậu từ 50 đến 100 năm. Khi bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội, thu nhập quốc dân tính theo đầu người chỉ bằng 1122 của Mỹ cùng thời. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn Liên Xô đã trở thành một trong hai siêu cường của thế giới. Năm 1985, thu nhập quốc dân của Liên Xô bằng 66% của Mỹ, sản lượng công nghiệp bằng 85% của Mỹ. Với công cuộc phát triển kinh tế,

văn hoá, Liên Xô đã trở thành một nước có trình độ học vấn cao, thu được những thành tựu đáng kể trong việc chăm sóc sức khỏe, phát triển y tế và bảo đảm phúc lợi xã hội cho nhân dân lao động. Trước Cách mạng Tháng Mười, 3/4 nhân dân Nga mù chữ, chỉ sau 20 năm, nạn mù chữ đã xoá xong. Vào cuối năm 1980, Liên Xô là một trong những nước có trình độ học vấn cao nhất thế giới (164 triệu người có trình độ trung học và đại học, số lượng các nhà khoa học trên nhiều lĩnh vực cũng đứng vào hàng đầu thế giới). Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây đã đạt được những bước tiến lớn trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, chinh phục vũ trụ, có tiềm lực quân sự và công nghiệp quốc phòng hùng mạnh. Trong các lĩnh vực văn hoá, nghệ thuật, khoa học và công nghệ cũng có những thành tựu rất to lớn.

- Với sự lớn mạnh toàn diện, chủ nghĩa xã hội có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống chính trị thế giới, đóng vai trò quyết định đối với sự sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên độc lập dân tộc và thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Chế độ xã hội chủ nghĩa được thiết lập không chỉ mở ra một xu thế phát triển tất yếu cho các dân tộc là con đường xã hội chủ nghĩa, mà bằng sự giúp đỡ tích cực, có hiệu quả về nhiều mặt, các nước xã hội chủ nghĩa đã góp phần làm phát triển mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc. Năm 1919, các nước thuộc địa và nửa thuộc địa chiếm 72% diện tích và 70% dân số thế giới, tới nay chỉ còn 0,7% diện tích và 5,3% dân số thế giới. Tính đến nay, hàng trăm nước đã giành được độc lập. Trên một trăm nước tham gia vào Phong trào không liên kết.

- Sức mạnh của chủ nghĩa xã hội hiện thực đóng vai trò quyết định đẩy lùi nguy cơ chiến tranh huỷ diệt, bảo vệ hoà bình thế giới.

- Ngay tại các nước phương Tây, nhân dân lao động được sức hấp dẫn thực tế của chủ nghĩa xã hội đã đấu tranh đòi các quyền dân sinh, dân chủ, các phúc lợi xã hội... Với sức ép của các nước xã hội chủ nghĩa, các nước phương Tây đã phải nhượng bộ và chấp nhận thực tế rất nhiều yêu sách đó. Tóm lại, từ tháng 11 năm 1917 cho đến sự kiện tháng 8 năm 1991, chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô đã tồn tại hơn 70 năm, ở các nước Đông Âu hơn 40 năm kể từ năm 1945. Chủ nghĩa xã hội hiện thực đã trải qua một thời kỳ phát triển rực rỡ, có những thành tựu to lớn và đã phát huy tác dụng mạnh mẽ đến tiến trình phát triển lịch sử của loài người. Sự phát triển như vũ bão của 3 dòng

thác cách mạng trong suốt mấy thập kỷ đã gắn liền với sự tồn tại và phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực, với hệ thống xã hội chủ nghĩa.

2. SỰ KHỦNG HOẢNG, SỤP ĐỔ CỦA MÔ HÌNH CHỦ NGHĨA XÃ HỘI XÔ VIẾT VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA NÓ

2.1. Sự khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô-viết

Lịch sử xã hội loài người không đi theo con đường thẳng và phong trào cách mạng cũng không tránh khỏi sai lầm và thất bại hay những thời kỳ thoái trào. Khi chủ nghĩa xã hội còn là học thuyết, vào những năm 70 của thế kỷ XIX, sau thất bại của Công xã Pa-ri, cuộc khủng hoảng đầu tiên đã diễn ra, Quốc tế I tan rã (năm 1876). Nhưng từ trong khủng hoảng, sự phát triển của lý luận của thời kỳ này đã phá vỡ sự bế tắc trong phong trào công nhân đưa đến sự thành lập Quốc tế II (năm 1889).

Đến cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, đặc biệt là từ sau khi Ph.Ăngghen qua đời, phong trào xã hội chủ nghĩa lại lâm vào khủng hoảng lần thứ hai, Quốc tế II phân rã thành phái hữu, phái tả và phái giữa. Từ sau Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, dưới sự lãnh đạo của V.I.Lênin, Quốc tế III - Quốc tế Cộng sản được thành lập, chấm dứt sự khủng hoảng lần thứ hai.

Bắt đầu từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đi vào thời kỳ khủng hoảng. Từ tháng 4 năm 1989 trở đi, sự đổ vỡ diễn ra liên tiếp ở các nước Đông Âu. Chỉ trong vòng 2 năm, đến tháng 9 năm 1991, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và sáu nước Đông Âu đã bị sụp đổ hoàn toàn. Sự đổ vỡ cũng diễn ra Mông Cổ, Anbani, Nam Tư.

2.2. Nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng và sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xôviết

Nguyên nhân sâu xa là những sai lầm thuộc về mô hình phát triển của chủ nghĩa xã hội Xô viết

Sau khi V.I.Lênin qua đời, ở Liên Xô, Chính sách kinh tế mới không được tiếp tục thực hiện mà chuyển sang kế hoạch hoá tập trung cao độ. Thời gian đầu, kế hoạch hoá tập trung đã phát huy mạnh mẽ tác dụng, song đã biến dạng thành kế hoạch hoá tập trung quan liêu bao cấp. Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô vẫn tiếp tục duy trì mô hình này. Trong mô hình này đã tuyệt đối hoá cơ chế kế hoạch hoá tập trung cao, từ bỏ hay gần như từ bỏ một cách chủ quan duy ý chí nền

kinh tế hàng hoá, cơ chế thị trường, thực hiện chế độ bao cấp tràn lan, triệt tiêu tính chủ động, sáng tạo của người lao động.

Do chậm đổi mới cơ chế kinh tế, hệ thống quản lý, nói chung là chậm đổi mới mô hình của chủ nghĩa xã hội, nên hậu quả là Liên Xô đang rút ngắn dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế so với các nước tư bản phát triển thì từ giữa những năm 70 của thế kỷ XX tình hình diễn ra theo chiều hướng ngược lại. Sự thua kém rõ rệt của Liên Xô thể hiện trong lĩnh vực công nghệ và năng suất lao động. Mà đây lại là yếu tố như Lenin nói, xét đến cùng quyết định thắng lợi hoàn toàn của chế độ mới.

Những sai lầm chủ quan nghiêm trọng kéo dài đã nói ở trên cản trở sự đổi mới đúng đắn là nguyên nhân sâu xa làm chế độ xã hội chủ nghĩa suy yếu, rơi vào khủng hoảng. Đó không phải những sai lầm khuyết tật do bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa, mà do quan niệm giáo điều về chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh năm 1991 của Đảng ta chỉ rõ: "Do duy trì quá lâu những khuyết tật của mô hình cũ của chủ nghĩa xã hội, chậm trễ trong cách mạng khoa học và công nghệ" nên gây ra tình trạng trì trệ kéo dài về kinh tế - xã hội rồi đi tới khủng hoảng.

Nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp

Sự sụp đổ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu có hai nguyên nhân chủ yếu và trực tiếp sau đây:

Một là, trong cải tổ, Đảng Cộng sản Liên Xô đã mắc sai lầm rất nghiêm trọng về đường lối chính trị, tư tưởng và tổ chức. Đó là đường lối hữu khuynh, cơ hội và xét lại, thể hiện trước hết ở những người lãnh đạo cao nhất.

Hai là, chủ nghĩa đế quốc đã can thiệp toàn diện, vừa tinh vi, vừa trắng trợn, thực hiện được "diễn biến hoà bình" trong nội bộ Liên Xô và các nước Đông Âu.

Tóm lại, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc cùng với sự phản bội từ bên trong và từ trên chóp bu của các cơ quan quan lãnh đạo cao nhất là nguyên nhân trực tiếp làm cho Liên Xô sụp đổ. Hai nguyên nhân này quyện chặt nhau, tác động cùng chiều tạo nên một lực cộng hưởng rất mạnh và nhanh như một cơn lốc chính trị trực tiếp phá sập ngôi nhà xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, xét cho đến cùng chính bọ cơ hội, xét lại và

phản bội, sự mất cảnh giác cách mạng trong hàng ngũ những người cộng sản đã tạo cơ hội bằng vàng cho chủ nghĩa đế quốc "chiến thắng mà không cần chiến tranh".

Trong tình hình chủ nghĩa xã hội trì trệ à khủng hoảng do nhượng sai lầm do mô hình cũ thì cải tổ, cải cách mở cửa, đổi mới là tất yếu. vì chỉ có một cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới sâu sắc, toàn diện mới đưa chủ nghĩa xã hội thoát khỏi khủng hoảng để bước vào thời kỳ phát triển mới. Cải tổ, cải cách, mở cửa, đổi mới là tất yếu nhưng sụp đổ thì không tất yếu. Vấn đề là ở chỗ: cải tổ, cải cách mở cửa, đổi mới như thế nào, nhằm mục đích gì, theo đường lối nào.

3. TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

3.1. Chủ nghĩa tư bản không phải là tương lai của xã hội loài người

Bản chất của chủ nghĩa tư bản không thay đổi.

Chủ nghĩa tư bản có vai trò to lớn đối với lịch sử phát triển của nhân loại. trong mấy thập kỷ qua, do biết "tự điều chỉnh và thích ứng" đồng thời sử dụng triệt để những thành tựu của cách mạng khoa học và công nghệ, các nước tư bản chủ nghĩa đã vượt qua một số cuộc khủng hoảng và vẫn còn khả năng phát triển. nhưng đó không phải là chế độ xã hội tương lai của nhân loại bởi bản chất bóc lột, phản dân chủ, vô nhân đạo của chủ nghĩa tư bản không thay đổi. Chính phương thức sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa gây ra những ung nhọt không thể chữa khỏi.

Trong cuốn sách ngoài vòng kiểm soát (xuất bản năm 1993) Brêdinsky đã cay đắng thừa nhận 20 khuyết tật của xã hội vào thời điểm đó và dự báo Mỹ sẽ mất vai trò siêu cường vào thế kỷ XXI. Trong 20 khuyết tật ấy, có những khuyết tật đã trở thành phổ biến ở các nước tư bản, như: chăm sóc y tế không đầy đủ, giáo dục trung học chất lượng kém, vấn đề phân biệt chủng tộc, nghèo đói...ngày càng sâu sắc, tội ác bạo lực tràn lan, cảm giác trống rỗng về tinh thần,...làm cho xã hội lâm vào khủng hoảng và vô phương vấp chữa.

Trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản, dù là chủ nghĩa tư bản hiện đại, trên thế giới ngày nay vẫn có đến 1,2 tỷ con người phải tiếp tục chịu nghèo đói, tật bệnh, mù chữ, chiến tranh, hưởng mức thu nhập dưới 1 USD 1 ngày; 2,5 tỷ người nghèo có tổng thu nhập chỉ bằng thu nhập của 250 tỷ phú, triệu phú lớn nhất thế giới gộp lại; 1/3 lực lượng lao động toàn thế giới, tức là khoảng 1

tỷ người bị thất nghiệp ở các mức khác nhau; tại hơn 100 nước đang hoặc kém phát triển, mức thu nhập bình quân đầu người giảm đi so với thập niên trước, hàng ngày có đến 30.000 trẻ em chết bệnh mà lẽ ra có thể được cứu sống, và số người lớn mù chữ lên đến hơn 800 triệu người.

Sự kiện giới cầm quyền Mỹ và giới cầm quyền Anh tấn công I-rắc năm 2003 càng khẳng định bản chất hiếu chiến của chúng.

Chủ nghĩa tư bản với những mâu thuẫn bên trong không thể khắc phục. Xã hội tư bản không dễ biến màu bản chất của mình chỉ bằng lối xung danh mới "phi hệ tư tưởng hoá" như "xã hội tư bản", "xã hội hậu công nghiệp", "xã hội tin hoá", "xã hội kinh tế tri thức hoá". Nhiều học giả tư sản đã cho rằng, chủ nghĩa tư bản là không thể chấp nhận được.

Các yếu tố xã hội chủ nghĩa đã xuất hiện trong lòng xã hội tư bản.

Chủ nghĩa tư bản hiện đại sẽ tiếp tục phát triển thông qua chính những cuộc khủng hoảng, những cuộc cải cách để thích ứng, và quá trình phát triển đó cũng chính là quá trình quá độ sang một xã hội mới. Trong khuôn khổ của chủ nghĩa tư bản đã xuất hiện những yếu tố của xã hội mới, những yếu tố của nền văn minh hậu công nghiệp, kinh tế tri thức nảy sinh và phát triển; tính chất xã hội của sở hữu ngày càng gia tăng; sự điều tiết của nhà nước đối với thị trường ngày càng hữu hiệu; tính nhân dân và xã hội của nhà nước tăng lên; những vấn đề phúc lợi xã hội và môi trường... ngày càng được giải quyết tốt hơn. Với những đặc điểm trên đây cũng có thể xem đó là những xã hội quá độ, nó chứa đựng trong nó cả các yếu tố của chủ nghĩa tư bản và xã hội tương lai.

3.2. Chủ nghĩa xã hội - tương lai của xã hội loài người

Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ không có nghĩa là sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội.

Kẻ thù đã và đang ra sức khai thác sự kiện Liên Xô và Đông Âu sụp đổ để rêu rao về "cái chết của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa Mác-Lênin nói chung". Sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ của một mô hình của chủ nghĩa xã hội trong quá trình đi tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Nó không đồng nghĩa với sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội với tư cách là một hình thái kinh tế - xã hội mà loài người đang vươn tới. Tương lai của xã hội loài người vẫn là chủ nghĩa xã hội, đó là quy luật khách quan của sự phát triển lịch sử. Tính chất của thời đại hoàn toàn

không thay đổi, loài người vẫn trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới mở đầu bằng Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại. Các mâu thuẫn của thời đại vẫn tồn tại, chỉ thay đổi hình thức biểu hiện và đặt ra yêu cầu mới phải giải quyết. Các nước xã hội chủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, mở cửa, đổi mới và ngày càng đạt được những thành tựu to lớn

Trong các nước xã hội c

hủ nghĩa còn lại tiến hành cải cách, mở cửa và không chỉ đứng vững và tiếp tục phát triển. Trong đó, Trung Quốc và Việt Nam là hai nước đã tiến hành công cuộc cải cách, mở cửa và đổi mới tương đối thành công nhất. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của mỗi nước đã tìm ra con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Tuy Trung Quốc và Việt Nam khác biệt nhau về quy mô đất nước, tầm quan trọng trên trường quốc tế, về văn hoá dân tộc, nhưng công cuộc cải cách, mở cửa ở Trung Quốc và công cuộc đổi mới ở Việt Nam có những nét tương đồng sau đây:

- Đã từ bỏ mô hình kinh tế kế hoạch tập trung chuyển sang kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa (Trung Quốc) hoặc theo định hướng xã hội chủ nghĩa (Việt Nam). Với những đặc trưng: đa dạng hoá hình thức sở hữu, trong đó quốc hữu giữ vai trò chủ thể (Trung Quốc), hoặc là công hữu là nền tảng (Việt Nam), kinh tế nhà nước là chủ đạo; sở hữu cổ phần được xem là hình thức chủ yếu của chế độ công hữu (Trung Quốc), hoặc doanh nghiệp cổ phần trở thành hình thức tổ chức kinh tế phổ biến (Việt Nam); đa dạng hoá hình thức phân phối, xem trọng phân phối theo lao động, đảm bảo quyền kinh doanh bình đẳng cho mọi loại hình doanh nghiệp không phân biệt đối xử; giá cả, tỷ giá, lãi suất do thị trường xác định có sự điều tiết của Nhà nước; phát triển đồng bộ các loại thị trường từ hàng hoá đến dịch vụ, thị trường chứng khoán; thực hiện các chương trình phúc lợi xã hội rộng lớn, xoá đói giảm nghèo, giữ gìn môi trường, v.v...

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo hướng xây dựng hệ thống luật pháp ngày càng tương đồng với hệ thống luật pháp hiện đại đặc biệt là phù hợp với những cam kết quốc tế, giảm dần sự can thiệp vi mô, sự can thiệp vào hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, gia tăng quản lý

vĩ mô, gia tăng sự phân quyền cho các địa phương; thực hiện chế độ dân chủ nói chung, đặc biệt là ở các cơ sở theo hướng công khai, minh bạch, gia tăng sự giám sát của các cấp, của công luận, của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân các cấp, của các tổ chức xã hội, tinh giản bộ máy và biên chế, v.v..

- Xây dựng các tổ chức xã hội phi chính phủ đa đảng gồm các hội nghề nghiệp, văn hoá, tôn giáo, xã hội,... các tổ chức này ngày càng có vai trò to lớn trong các lĩnh vực mà Nhà nước không với tay tới, như từ thiện, cứu trợ người nghèo, v.v...

- Hội nhập quốc tế sâu rộng, tham gia vào hầu hết các tổ chức quốc tế, Liên hợp quốc, các tổ chức khu vực, đặc biệt là đã gia nhập WTO, trở thành những quốc gia tích cực trong hội nhập khu vực ASEAN, Đông Á.

- Đảm bảo sự cầm quyền và lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước trên tất cả các mặt. Sự lãnh đạo và cầm quyền của Đảng Cộng sản Trung Quốc, của Đảng Cộng sản Việt Nam đã và đang được đổi mới theo hướng khoa học, dân chủ và hiệu quả hơn, phù hợp với điều kiện cụ thể của Trung Quốc và Việt Nam.

Công cuộc cải cách của Trung Quốc và đổi mới ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn được quốc tế thừa nhận. Những định hướng phát triển của Trung Quốc và Việt Nam cho thấy là cả Trung Quốc và Việt Nam đều tôn trọng những giá trị tiến bộ của nhân loại ở cả phương Tây và phương Đông, nghiên cứu ứng dụng chúng phù hợp với điều kiện cụ thể trên cơ sở những giá trị nhân đạo cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Đồng thời sự tiến triển thực tế của những cuộc cải cách trên đây sẽ ngày càng làm sáng tỏ hơn con đường đổi mới chủ nghĩa xã hội.

Đã xuất hiện xu hướng đi lên chủ nghĩa xã hội

Trong tình hình chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào, ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt là ở Mỹ Latinh, từ những năm 1990 đã xuất hiện xu thế thiên tả và ngày càng phát triển mạnh lên thành một trào lưu vào đầu thế kỷ XXI. Từ 1998 đến nay, thông qua bầu cử dân chủ, các Chính phủ cánh tả, tiến bộ đã lên cầm quyền ở 11 nước Mỹ Latinh.

Trong số các nước Mỹ Latinh do cánh tả cầm quyền hiện nay, nhiều nước tuyên bố đi lên chủ nghĩa xã hội.

Từ năm 2005, Tổng thống Vê-nê-xuê-la Hugo Chavez nhiều lần công khai tuyên bố mục tiêu của cuộc cách mạng ở Vê-nê-xuê-la là đưa đất nước đi lên

"chủ nghĩa xã hội". Trong bài phát biểu ngày 3 tháng 12 năm 2006, ngay sau khi tái đắc cử, Tổng thống Hugo Chavez đã một lần nữa khẳng định :

"Vê-nê-xuê-la sẽ tiếp tục con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở thế kỷ XXI với các nội dung cơ bản sau:

- Về tư tưởng: lấy chủ nghĩa Mác, tư tưởng cách mạng và tiến bộ của Xi-môn Bôlivia, tư tưởng nhân đạo Thiên chúa giáo làm nền tảng.

- Về chính trị: nhấn mạnh tư tưởng "dân chủ cách mạng" và "chính quyền nhân dân", theo đó nhân dân có trách nhiệm cùng tham gia quyết định vận mệnh của đất nước, tham gia vào công việc xây dựng một nhà nước pháp quyền, thực hiện công bằng xã hội; xây dựng một mô hình xã hội mới, nơi mà mọi người dân đều có chỗ đứng cho dù đó là một thổ dân...

- Về kinh tế: chủ trương thực hiện kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước và hợp tác xã nắm vai trò chủ đạo; nhấn mạnh việc giành lại chủ quyền quốc gia dân tộc đối với tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là dầu mỏ, nước sạch và môi sinh...

- Về xã hội: chủ trương thực hiện phân phối công bằng của xã hội để giải quyết vấn đề bất bình đẳng và phân hoá xã hội...

- Về đối ngoại: thúc đẩy khối đoàn kết Mỹ Latinh và quan hệ hữu nghị với tất cả các nước lấy hợp tác thay thế cạnh tranh; lấy hội nhập thay cho bóc lột; đấu tranh cho một thế giới đa cực, dân chủ.

Về cách làm, bước đi: kế thừa những mặt tốt đẹp của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, Đông Âu trước đây; không rập khuôn, sao chép, mà phải thường xuyên đổi mới và sáng tạo; bên cạnh phát triển kinh tế, coi trọng các giá trị đạo đức, tinh thần; đoàn kết dân tộc; chú trọng kinh nghiệm quốc tế của các nước xã hội chủ nghĩa như Cuba, Việt Nam, Trung Quốc,....

Tổng thống Bôlivia Êvô Môralét nói rằng, chủ nghĩa xã hội là ước mơ của các dân tộc Mỹ Latinh. Chủ nghĩa xã hội này dựa trên chủ nghĩa Mác-Lênin, nó phải có sức mạnh như thế nào để người ta cổ vũ dân tộc họ vươn tới. Êcuado và Nicarago cũng đã tuyên bố lựa chọn con đường xã hội chủ nghĩa. Sự xuất hiện của "Chủ nghĩa xã hội Mỹ Latinh thế kỷ XXI" còn điếm này, điếm khác phải tiếp tục nghiên cứu và theo dõi, nhưng rõ ràng những biểu hiện đó đã và đang thể hiện sự tác động sâu xa và sức sống mãnh liệt của chủ nghĩa xã hội hiện thực đối với các dân tộc Mỹ Latinh, thể hiện bước tiến mới của chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Đó là một thực tế lịch sử chứng minh

cho sức sống và khả năng phát triển của chủ nghĩa xã hội, củng cố niềm tin vào lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

Tóm lại, từ diễn biến của tình hình thế giới từ Cách mạng Tháng Mười Nga đến nay có thể khẳng định rằng: chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại và sự thức tỉnh của các dân tộc, nhất định sẽ có bước phát triển mới; theo quy luật khách quan của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội.